

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực gia đình, di sản văn hoá, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Thuận**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực gia đình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-BVHTTDL ngày 27/11/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

*Căn cứ Quyết định số 3698/QĐ-BVHTTDL ngày 01/12/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 3627/TTr-SVHTTDL ngày 04 tháng 12 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực gia đình, di sản văn hoá, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Thuận (*Chi tiết tại Phụ lục I*).

2. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh (*Chi tiết tại Phụ lục II*).

3. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp xã (*Chi tiết tại Phụ lục III*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó CT. UBND tỉnh;
- Sở TT&TT (p/h cập nhật các phần mềm);
- Sở Nội vụ (phòng CCHC);
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC.Nga.



**Đoàn Anh Dũng**

**PHỤ LỤC 01****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC GIA ĐÌNH, DI SẢN VĂN HOÁ, MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM, THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Kèm theo Quyết định số 2596 /QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện		Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH</b>								
<b>I. Lĩnh vực gia đình (05 TTHC)</b>								
<b>1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh (03 TTHC)</b>								
1	1.012080	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	10 ngày làm việc	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Chưa triển khai	Có	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022. - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.
2	1.012081	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp	03 ngày làm việc	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.	Chưa triển khai	Có	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.

		phòng, chống bạo lực gia đình		- Cơ quan giải quyết: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch				- Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.
3	1.012082	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	10 ngày làm việc	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Chưa triển khai	Có	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022. - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

## 2. Thủ tục hành chính cấp xã: 02 TTHC (TTHC cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã)

1	1.012084	Thủ tục cảm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	12 giờ kể từ khi Chủ tịch UBND xã (Chủ tịch UBND cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) nhận được đề nghị cảm tiếp xúc	- Tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa UBND cấp xã. - Đơn vị thực hiện: Chủ tịch UBND cấp xã hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã	Chưa triển khai	Có	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022. - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.
---	----------	---	--	--	-----------------	----	-------	---

2	1.012085	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	12 giờ kể từ khi Chủ tịch UBND cấp xã (Chủ tịch UBND cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) nhận được đơn đề nghị hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc	- Tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa UBND cấp xã. - Đơn vị thực hiện: Chủ tịch UBND cấp xã hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã	Chưa triển khai	Có	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022. - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.
---	----------	---	--	--	-----------------	----	-------	---

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

### I. Lĩnh vực Di sản văn hóa (02 TTHC)

01	2.001631	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	13 ngày làm việc	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Toàn trình	Có	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009.
----	----------	--	------------------	---	------------	----	-------	--

								<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010.</li> <li>- Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa - Thông tin.</li> <li>- Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ VHTTDL.</li> <li>- Thông tư số 13/2023/TTBVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL.</li> </ul>
2	1.003835	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	95 ngày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.</li> <li>- Cơ quan giải quyết: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Thủ tướng Chính phủ.</li> </ul>	Một phần	Có	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009.</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ VHTTDL.</li> <li>- Thông tư số 13/2023/TTBVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL.</li> </ul>

## II. Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm (01 TTHC)

01	2.001496	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	06 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.</li> <li>- Cơ quan giải quyết: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	Chưa triển khai	Có	<p><b>1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</li> <li>- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</li> <li>- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ VHTT&amp;DL.</li> <li>- Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính.</li> <li>- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ VHTT&amp;DL.</li> <li>- Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</li> </ul>
----	----------	---	------------------	--	-----------------	----	---

							<p>thẩm định, tối đa không quá 15.000.00 0 đồng</p> <p><b>2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:</b></p> <p>- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/ tác phẩm/ lần thẩm định.</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác</p>	
--	--	--	--	--	--	--	---	--



							phẩm/lần thẩm định.	
<b>C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (19 TTHC)</b>								
<b>I. Lĩnh vực gia đình (18 TTHC)</b>								
<b>1. Cấp tỉnh (12 TTHC)</b>								
<b>TT</b>	<b>Mã số thủ tục hành chính</b>	<b>Tên TTHC</b>	<b>Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC</b>	<b>Ghi chú</b>				
01	1.005441	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận				
02	1.001420	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận				
03	1.001407	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá,				

				Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
04	2.001414	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
05	1.000919	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
06	1.000817	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận

07	1.000454	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
08	1.000433	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
09	1.000379	Thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
10	1.000104	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết

				định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
11	2.000022	Thủ tục cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
12	1.003310	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
<b>2. Cấp huyện (06 TTHC)</b>				
01	1.003243	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận

02	1.003226	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
03	1.003185	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
04	1.003140	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
05	1.003103	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết

				định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
06	1.001874	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận
<b>II. Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ cấp tỉnh (01 TTHC)</b>				
01	1.004723	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	Thông tư số 12/2023/TT- BVHTTDL ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thủ tục được công bố theo Quyết định số 3698/QĐ-BVHTTDL ngày 01/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận

**Ghi chú:** Quy trình nội bộ giải quyết các TTHC sửa đổi bổ sung lĩnh vực Di sản văn hóa; Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thực hiện theo Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (do không có thay đổi thời gian giải quyết TTHC).

**PHỤ LỤC 02**

(Kèm theo Quyết định số 2596 /QĐ-UBND ngày 14 /12/2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH****I. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH (03 TTHC)****1. Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Mã số TTHC: 1.012080)**

Trình tự công việc	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh	Hướng dẫn, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ.	Giờ hành chính
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh lập giấy tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả.	
		Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	
		Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh phải nêu rõ lý do.	
Bước 2	CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ cho Sở VH TT&DL (phòng QL VHGD) xử lý.	0.5 ngày
Bước 3	Công chức phụ trách của phòng QL VHGD)	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ.	06 ngày
		Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu thì trả hồ sơ lại cho bộ phận một cửa để trả cho người dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đồng thời tham mưu văn bản trả lời, nêu rõ lý do (trong vòng 5 ngày làm việc).	
Bước 4	Lãnh đạo phòng QL VHGD)	Xem xét, thông qua dự thảo văn bản xử lý hồ sơ.	1.5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt kết quả TTHC ( <i>Giấy chứng nhận</i> ).	1.5 ngày
Bước 6	Công chức của Sở	- Vào sổ, phát hành văn bản. - Chuyển kết quả cho Trung tâm HCC tỉnh.	0.5 ngày
Bước 7	CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh	Trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí ( <i>nếu có</i> ).	Giờ hành chính
		<b>Tổng thời gian thực hiện TTHC:</b>	<b>10 ngày</b>

**02. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Mã số TTHC: 1.012081)**

Trình tự công việc	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh	Hướng dẫn, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ.	Giờ hành chính
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh lập giấy tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả.	
		Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	
		Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh phải nêu rõ lý do.	
Bước 2	CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ cho Sở VH TT & DL (phòng QL VHGD) xử lý.	02 giờ
Bước 3	Công chức phụ trách của phòng QL VHGD)	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ.	1.5 ngày
		Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu thì trả hồ sơ lại cho bộ phận một cửa để trả cho người dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đồng thời tham mưu văn bản trả lời, nêu rõ lý do (trong vòng 01 ngày làm việc).	
Bước 4	Lãnh đạo phòng QL VHGD)	Xem xét, thông qua dự thảo văn bản xử lý hồ sơ.	0.5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt kết quả TTHC ( <i>Giấy chứng nhận</i> ).	0.5 ngày
Bước 6	Công chức của Sở	- Vào sổ, phát hành văn bản. - Chuyển kết quả cho Trung tâm HCC tỉnh.	02 giờ
Bước 7	CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh	Trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí ( <i>nếu có</i> ).	Giờ hành chính
<b>Tổng thời gian thực hiện TTHC:</b>			<b>03 ngày</b>

**03. Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Mã số TTHC: 1.012082)**

Trình tự công việc	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh	Hướng dẫn, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ.	Giờ hành chính
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh lập giấy tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả.	
		Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, CCVC tại Trung	



		tâm HCC tỉnh hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	
		Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh phải nêu rõ lý do.	
Bước 2	CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ cho Sở VH TT & DL (phòng QL VHGD) xử lý.	0.5 ngày
Bước 3	Công chức phụ trách của phòng QL VHGD)	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu thì trả hồ sơ lại cho bộ phận một cửa để trả cho người dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đồng thời tham mưu văn bản trả lời, nêu rõ lý do (trong vòng 5 ngày làm việc).	06 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng QL VHGD)	Xem xét, thông qua dự thảo văn bản xử lý hồ sơ.	1.5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt kết quả TTHC ( <i>Giấy chứng nhận</i> ).	1.5 ngày
Bước 6	Công chức của Sở	- Vào sổ, phát hành văn bản. - Chuyển kết quả cho Trung tâm HCC tỉnh.	0.5 ngày
Bước 7	CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh	Trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí ( <i>nếu có</i> ).	Giờ hành chính
	<b>Tổng thời gian thực hiện TTHC:</b>		<b>10 ngày</b>

### Phụ lục 03

(Kèm theo Quyết định số 2596 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

## QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### I. Lĩnh vực gia đình (02 TTHC)

1. Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân (Mã số TTHC: 1.012084)

Trình tự công việc	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Công chức tại bộ phận một cửa	Hướng dẫn, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ.	Trong giờ hành chính
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.	
		Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, công chức hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	
		Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức phải nêu rõ lý do.	
Bước 2	Công chức tại bộ phận một cửa	Chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn xử lý.	01 giờ
Bước 3	Công chức bộ phận chuyên môn	- Nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa. - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ.	06 giờ
		Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, công chức phụ trách chuyên môn (có văn bản trả) trả hồ sơ lại cho bộ phận một cửa để trả lại cho người dân, tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có).	
Bước 4	Lãnh đạo UBND xã	- Kiểm tra, xem xét lại hồ sơ trình ký của bộ phận chuyên môn; Ký duyệt kết quả TTHC (Quyết định).	04 giờ
Bước 5	Công chức bộ phận chuyên môn	- Nhận kết quả trình ký từ lãnh đạo. - Vào Sổ, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho bộ phận một cửa.	01 giờ
Bước 6	Công chức tại bộ phận một cửa	Nhận kết quả từ bộ phận chuyên môn và trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có).	Trong giờ hành chính
<b>Tổng thời gian thực hiện TTHC:</b>			<b>12 giờ</b>

**2. Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị (Mã số TTHC:1.012085)**

<b>Trình tự công việc</b>	<b>Chức danh, vị trí</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
Bước 1	Công chức tại bộ phận một cửa	Hướng dẫn, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ.	Trong giờ hành chính
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.	
		Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, công chức hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	
		Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức phải nêu rõ lý do.	
Bước 2	Công chức tại bộ phận một cửa	Chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn xử lý.	01 giờ
Bước 3	Công chức bộ phận chuyên môn	- Nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa. - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ.	06 giờ
		Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, công chức phụ trách chuyên môn (có văn bản trả) trả hồ sơ lại cho bộ phận một cửa để trả lại cho người dân, tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có).	
Bước 4	Lãnh đạo UBND xã	- Kiểm tra, xem xét lại hồ sơ trình ký của Bộ phận chuyên môn; Ký duyệt kết quả TTHC ( <i>Quyết định</i> ).	04 giờ
Bước 5	Công chức bộ phận chuyên môn	- Nhận kết quả trình ký từ lãnh đạo. - Vào Sổ, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho bộ phận một cửa.	01 giờ
Bước 6	Công chức tại bộ phận một cửa	Nhận kết quả từ bộ phận chuyên môn và trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có).	Trong giờ hành chính
<b>Tổng thời gian thực hiện TTHC:</b>			<b>12 giờ</b>